

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-9-2024  
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;  
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;  
2. Bà Nguyễn Thị Phượng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 429/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/02/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị **Võ Thị Thu T** là nguyên đơn trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị **Võ Thị Thu T** và anh **Bùi Văn C** kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp ngày 23/4/2015. Trong khoảng thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận. Nhưng đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C không có trách nhiệm chăm sóc gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Hiện nay chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng có tiến hành hàn gắn tình cảm

nhưng không thành. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên hôn nhân không có hạnh phúc.

Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai mượn nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về tố tụng:**

Chị Võ Thị Thu T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*”.

Anh Bùi Văn C là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp F, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Bùi Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu T hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 038 ngày 23/4/2015, do đó hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh C không có trách nhiệm quan tâm chăm sóc gia đình. Chị T và C đã sống ly thân từ tháng 01/2023

cho đến nay. Sau khi ly thân chị T, anh C có tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T xác định không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng vì mâu thuẫn vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Anh C là bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ nội dung xin ly hôn của chị T nhưng vẫn không tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu T.

- **Về con chung:** Căn cứ vào lời trình bày của chị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị T và anh C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0008581 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu T.

**1. Về hôn nhân:** Chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Bùi Văn C.

**2. Về con chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về chia tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Võ Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã

nộp theo biên lai số: 0008581 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Hà**